

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-6-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư; ông Lê Thanh Khánh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST-DS ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kỳ T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Trần Văn T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện tại: Khu phố Phú H 2, phường H3, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2021, các bản tự khai và tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn Nguyễn Thị Kỳ Tươi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kỳ T và anh Trần Văn T2 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 24/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đông Hòa (nay là phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T2 chơi bời nỡ nần nhiều, mặc dù vợ đã nhiều lần khuyên bảo. Tháng 02/2021, vợ chồng tự nguyện sống ly thân cho đến nay. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T2. Việc ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Quá trình vợ chồng sống chung có hai con chung là Trần Nguyễn Mi A, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2020. Thời gian vợ chồng sống ly thân, hai cháu An và Khang sống và học tập ổn định cùng với mẹ tại Khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tươi không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2022, anh Trần Văn T2 khai nhận: Giữa anh và chị Nguyễn Thị Kỳ T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, kết hôn ngày 24/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đông Hòa (nay là phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên). Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, xác định thời gian vợ chồng sống ly thân từ năm 2021. Trong thời gian vợ chồng ly thân, hai con chung là Trần Nguyễn Mi A, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2020 sống và học tập cùng với mẹ là Nguyễn Thị Kỳ T tại Khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Chị Nguyễn Thị Kỳ T yêu cầu xin ly hôn, anh T2 không đồng ý.

Quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh Trần Văn T2 không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập cháu Trần Nguyễn Mi A, con chung của chị T và anh T2, biên bản tự khai cháu trình bày hiện đang sống với mẹ và xin được tiếp tục ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh hộ khẩu và nơi cư trú của anh Trần Văn T2 thể hiện: Anh Trần Văn T2 có hộ khẩu tại Khu phố Phú Lạc, phường Hòa Hiệp Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, tuy nhiên không sống tại địa phương cùng với vợ và con mà hiện đang sống cùng với cha mẹ tại Khu phố P2, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Kỳ T, về quan hệ hôn nhân cho chị T được ly hôn anh Ton; về con chung, giao con chung Trần Nguyễn Mi A, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng, anh Ton

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Kỳ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T2 có hộ khẩu thường trú tại Khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kỳ T và anh Trần Văn T xây dựng gia đình, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014, tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kỳ T và anh Trần Văn T2 là hôn nhân hợp pháp.

Hôn nhân giữa chị T và anh T được cả hai thừa nhận có nhiều mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt trầm trọng, thời gian đầu vợ chồng sống chung tại khu phố P, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, sau đó, anh T2 bỏ đi về nhà cha mẹ ở khu phố P2, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên sinh sống cho đến nay; chị T và anh T2 không còn quan tâm nhau. Điều này phù hợp với biên bản xác minh mâu thuẫn hôn nhân ngày 10/5/2022, được xác nhận của địa phương phường H, thị xã Đông Hòa, Phú Yên. Mặc dù tại bản tự khai ngày 02/3/2022, anh T2 không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án triệu tập anh T2 nhiều lần để hòa giải nhưng anh T2 không đến Tòa, vắng mặt không có lý do, qua đó thể hiện không có thiện chí hàn gắn vợ chồng.

Xét thấy, giữa chị T và anh T2 đã tự cắt đứt liên lạc với nhau, sống ly thân, không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kỳ T được ly hôn với anh Trần Văn T2, để đảm bảo các bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh có cơ sở xác định: chị Nguyễn Thị Kỳ T và anh Trần Văn T2 có hai con chung tên Trần Nguyễn Mi A, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2020. Từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay các con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, chị T đảm bảo được việc chăm sóc và giáo dục con, cháu A có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu K còn nhỏ (26 tháng tuổi). Do đó, giao hai con chung Trần Nguyễn Mi A và Trần Nguyễn Minh K cho chị T được tiếp tục trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kỳ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kỳ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kỳ T được ly hôn anh Trần Văn T2.

2. Về con chung: giao hai con chung Trần Nguyễn Mi A, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/3/2020 cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kỳ T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001715 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hoà ;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND P.Hòa Hiệp Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Mỹ Dung

